

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST

Ngày: 06 - 9 - 2022

V/v “T/c hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lý
2. Ông Huỳnh Anh Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Minh Ph**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ô, xã P, huyện T, tỉnh Long An.

Bà C và ông T1 vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Lê Thị Minh Ph: Trong quá đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Minh Ph do bà

Nguyễn Thanh C đại diện theo ủy quyền xác định bà Ph khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả số tiền nợ hội là 19.300.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Văn T1: Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, ông T1 đồng ý trả số tiền 19.300.000 đồng cho bà Ph.

Các tình tiết của vụ án:

Những nội dung các đương sự thống nhất:

Bà Nguyễn Thanh C đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Minh Ph và ông Nguyễn Văn T1 thống nhất trình bày: Vào năm 2021, bà Ph có tham gia 01 dây hội do ông Nguyễn Văn T1 làm chủ thảo hội. Cụ thể: Hội khai ngày 01/3/2021, một tháng khai một lần, dây hội gồm 16 phần, hội 5000.000 đồng, bà Ph tham gia một phần. Bà Ph đã đóng hội được 05 kỳ với tổng số tiền 19.300.000 đồng, cụ thể: Kỳ 1, ngày 01/3/2021, đóng số tiền là: 4.100.000 đồng; kỳ 2 ngày 01/4/2021 đóng số tiền là: 3.800.000 đồng; kỳ 3 ngày 01/5/2021, đóng số tiền là: 3.800.000 đồng; kỳ 4 ngày 01/6/2021, đóng số tiền 3.800.000 đồng; kỳ 5 ngày 01/7/2021 đóng số tiền là: 3.800.000 đồng. Dây hội chưa mãn, nhưng không còn hoạt động do đã bể hội.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được:

Bà Ph yêu cầu ông T1 trả một lần số tiền nợ hội 19.300.000 đồng. Ông T1 đồng ý trả số tiền nợ hội nhưng yêu cầu được trả dần do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và lời khai của bị đơn thì bị đơn thừa nhận nội dung vụ việc đúng như nguyên đơn trình bày về quá trình chơi hội, nguyên đơn tham gia 01 phần hội của dây hội 5.000.000 đồng, gồm 16 phần, hội đã bể và bà Ph đã đóng được 05 kỳ với tổng số tiền là 19.300.000 đồng. Bà Ph khởi kiện yêu cầu ông T1 trả số tiền nợ hội, ông T1 đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng góp hội” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bà C và ông T1: Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph là bà Nguyễn Thanh C và ông T1 có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C và ông T1.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Ph khởi kiện yêu cầu ông T1 trả số tiền nợ hụi là 19.300.000 đồng. Các đương sự trình bày thống nhất bà Ph tham gia đây hụi khai ngày 01/3/2021, thống nhất số phần hụi tham gia, số tiền đã đóng hụi sống, thời gian bề hụi, số tiền ông T1 còn nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph thì ông T1 đồng ý trả số tiền nợ hụi là 19.300.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Ph đối với ông T1 về số tiền nợ hụi là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Minh Ph số tiền nợ hụi 19.300.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hoá về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[8] Về án phí: Bà Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu số tiền 965.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh Ph đối với ông Nguyễn Văn T1.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Minh Ph số tiền nợ hui 19.300.000 đồng (mười chín triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu số tiền 965.000 đồng (chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Bà Lê Thị Minh Ph không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Ph số tiền 482.500 đồng (Bốn trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí mà bà Ph đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010970 ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật